

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên tại Bộ Nông nghiệp và Môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1990/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên tại Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Quy chế này và các quy định hiện hành khác của nhà nước có liên quan; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật về việc tổ chức thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Tài chính;
- Lưu VT, Vụ KHTC(md).

Đỗ Đức Duy

QUY CHẾ

Giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên tại Bộ Nông nghiệp và Môi trường

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên tại Bộ Nông nghiệp và Môi trường (sau đây gọi tắt là sản phẩm, dịch vụ công).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường được Bộ trưởng giao quản lý và tổ chức thực hiện: Giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

2. Các đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công được Bộ Nông nghiệp và Môi trường giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, bao gồm:

a) Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

b) Nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác (Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; tổ chức, đơn vị không thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường; hợp tác xã có tư cách pháp nhân; các cá nhân hành nghề độc lập, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật có chức năng cung ứng dịch vụ sự nghiệp công phù hợp với yêu cầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

3. Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc tổ chức và cung cấp sản phẩm, dịch vụ công tại Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Sản phẩm, dịch vụ công thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường là sản phẩm, dịch vụ thiết yếu đối với đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, cộng đồng dân cư hoặc bảo đảm quốc phòng, an ninh được Nhà nước giao cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện.

2. Sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí

chi thường xuyên, gồm: dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước và sản phẩm, dịch vụ công ích.

3. Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường là dịch vụ sự nghiệp công mà Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoặc dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí trong giá, phí, được ngân sách nhà nước hỗ trợ, bao gồm: nhiệm vụ chuyên môn, nhiệm vụ đặc thù và các nhiệm vụ, dịch vụ sự nghiệp công khác được quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 254/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2017 ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; số 1990/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2017 ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Sản phẩm, dịch vụ công ích là sản phẩm, dịch vụ mà việc sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ này theo cơ chế thị trường khó có khả năng bù đắp chi phí hoặc sản phẩm, dịch vụ có tính chất đặc thù; được Nhà nước trợ giá phân chênh lệch giữa giá tiêu thụ, giá sản phẩm dịch vụ theo quy định của Nhà nước hoặc phân chênh lệch giữa số tiền do người được hưởng sản phẩm, dịch vụ công ích thanh toán theo quy định của Nhà nước, với chi phí hợp lý của nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích để sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng (hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành nếu có).

5. Trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích là khoản hỗ trợ tài chính của ngân sách nhà nước theo mức cố định tính trên từng đơn vị sản phẩm, dịch vụ công ích cho nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích để sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng (hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành nếu có).

6. Giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công là việc Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan quản lý nhà nước thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường giao nhiệm vụ cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công của đơn vị sự nghiệp theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

7. Đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công là việc cơ quan quản lý nhà nước chỉ định: Đơn vị sự nghiệp công lập; nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác đáp ứng theo các yêu cầu, điều kiện đặt hàng của Nhà nước.

8. Đấu thầu cung cấp dịch vụ công là quá trình lựa chọn nhà thầu để ký kết và thực hiện hợp đồng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công trên cơ sở bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện cung ứng sản phẩm, dịch vụ công

1. Ngân sách nhà nước chi thường xuyên trong các lĩnh vực sự nghiệp và

các hoạt động kinh tế theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước giao cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện.

2. Nguồn phí được để lại chi cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo pháp luật về phí và lệ phí.

3. Nguồn thu dịch vụ sự nghiệp công theo giá dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước định giá.

4. Các nguồn khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 5. Phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công

1. Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện theo các phương thức: giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu.

a) Dịch vụ sự nghiệp công đã được cơ quan quản lý có thẩm quyền phê duyệt nội dung, dự toán, sản phẩm, thời gian và đơn vị thực hiện.

b) Thuộc Danh mục dịch vụ sự nghiệp công thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.

c) Một dịch vụ sự nghiệp công có thể được cung cấp bởi một hoặc nhiều nhà cung cấp theo các phương thức cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác nhau đối với từng sản phẩm hoàn thành, nhưng phải gắn với sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công cuối cùng (sản phẩm hoàn thành).

2. Sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo các phương thức: đặt hàng, đấu thầu (hoặc giao nhiệm vụ trong trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định) quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy chế này.

3. Phương thức cung cấp sản phẩm, dịch vụ công được xác định cụ thể tại quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước hàng năm và là căn cứ để cơ quan quản lý giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu dịch vụ sự nghiệp công.

Các đơn vị trực thuộc Bộ đề xuất danh mục nhiệm vụ và phương thức cung cấp dịch vụ công đồng thời với đề xuất kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; sản phẩm, dịch vụ công ích.

1. Phương thức cung cấp sản phẩm, dịch vụ công: Bộ trưởng phê duyệt phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; sản phẩm, dịch vụ công ích tại Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước hàng năm cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ (theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy chế này).

2. Giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; sản phẩm, dịch vụ công ích:

a) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định:

- Giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ thực hiện (trừ quy định tại điểm b khoản này);

- Đặt hàng (hoặc giao nhiệm vụ trong trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định) sản phẩm, dịch vụ công ích đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích hoặc tổ chức đầu thầu sản phẩm, dịch vụ công ích theo quy định.

b) Bộ trưởng ủy quyền cho Cục trưởng các Cục (sử dụng con dấu của Bộ) giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ theo phân cấp quy định tại Quy chế quản lý tài chính đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

c) Thủ tướng các Cục quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cho đơn vị trực thuộc.

3. Trường hợp giao nhiệm vụ, đặt hàng đối với dịch vụ sự nghiệp công; sản phẩm, dịch vụ công ích có tính đặc thù từ nguồn ngân sách trung ương (nếu có), thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Giao tổ chức đầu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; sản phẩm, dịch vụ công ích.

Thủ tướng cơ quan quản lý quy định tại khoản 2 Điều này quyết định cơ quan, đơn vị tổ chức đầu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; sản phẩm, dịch vụ công ích.

Chương II

GIAO NHIỆM VỤ, ĐẶT HÀNG HOẶC ĐẦU THẦU CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Mục 1

GIAO NHIỆM VỤ CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

Điều 7. Điều kiện giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

Giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc được thực hiện khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

1. Đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công lập đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Có chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công phù hợp với hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công được giao và có giấy phép hoạt động trong lĩnh vực thuộc diện Nhà nước cấp phép hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

b) Đã được cấp có thẩm quyền giao quyền tự chủ tài chính;

c) Việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công là nhiệm vụ thường xuyên hàng năm của đơn vị, đã và đang được cơ quan quản lý cấp trên giao nhiệm vụ.

2. Dịch vụ sự nghiệp công chưa xây dựng được định mức kinh tế-kỹ thuật

và đơn giá, thực hiện theo số lượng, khối lượng, chi phí hợp lý.

Điều 8. Tổ chức giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

1. Căn cứ Kế hoạch dự toán ngân sách nhà nước được giao, Quyết định phê duyệt nội dung, dự toán nhiệm vụ, cơ quan quản lý cấp trên ban hành Quyết định giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cho đơn vị trực thuộc thực hiện (theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quy chế này).

2. Nội dung giao nhiệm vụ, bao gồm:

a) Danh mục dịch vụ sự nghiệp công: nội dung, số lượng, khối lượng sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công;

b) Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công (theo tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan quản lý có thẩm quyền ban hành);

c) Thời gian triển khai và thời gian hoàn thành;

d) Dự toán kinh phí của dịch vụ sự nghiệp công (theo số lượng, khối lượng, dịch vụ sự nghiệp công, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt) và chi tiết theo các nguồn kinh phí;

e) Tạm ứng, thanh toán, quyết toán kinh phí cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

g) Phương thức nghiệm thu, bàn giao sản phẩm;

h) Trách nhiệm của đơn vị thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

i) Trách nhiệm của cơ quan giao nhiệm vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan;

k) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

Trường hợp, trong Dịch vụ sự nghiệp công được giao cung cấp có một phần công việc (gắn với nội dung, sản phẩm dịch vụ công) đơn vị không thể tự thực hiện, phải đấu thầu, Dịch vụ sự nghiệp công được giao bao gồm cả phần công việc tổ chức đấu thầu, nhưng phải ghi rõ trong Quyết định giao nhiệm vụ.

Điều 9. Điều chỉnh giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

Giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

1. Nhà nước thay đổi về cơ chế, chính sách tiền lương.

2. Thay đổi số lượng, khối lượng thực hiện hoặc do nguyên nhân khách quan được cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh nội dung và dự toán nhiệm vụ hoặc điều chỉnh giao dự toán NSNN được giao trong năm.

Mục 2

ĐẶT HÀNG CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

Điều 10. Điều kiện đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công

1. Đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà

nước đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan quản lý cấp trên đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- a) Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy chế này;
- b) Danh mục dịch vụ sự nghiệp công có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công do cơ quan có thẩm quyền ban hành;
- c) Điều kiện đặt hàng khác theo quy định của pháp luật liên quan (nếu có).

2. Đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác, khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác đã có đăng ký ngành nghề kinh doanh phù hợp với lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công được đặt hàng; có đủ năng lực về tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy móc, trình độ kỹ thuật, công nghệ sản xuất, trình độ quản lý và đội ngũ người lao động đáp ứng được các yêu cầu đặt hàng. Ngoài ra, đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác được đặt hàng trong lĩnh vực thuộc diện Nhà nước cấp phép hoạt động phải đáp ứng thêm điều kiện là nhà cung cấp dịch vụ đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

b) Danh mục dịch vụ sự nghiệp công có tính đặc thù do liên quan đến sở hữu trí tuệ hoặc chỉ có một nhà cung cấp đăng ký thực hiện;

c) Danh mục dịch vụ sự nghiệp công có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Điều 11. Tổ chức đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

1. Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước được giao, Cơ quan quản lý cấp trên thực hiện đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công như sau:

- Ban hành Quyết định đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

- Ký hợp đồng đặt hàng với đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác theo Mẫu số 03 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

2. Nội dung đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

a) Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; Nội dung, số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công;

b) Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công (theo tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan quản lý có thẩm quyền ban hành);

c) Thời gian triển khai và thời gian hoàn thành;

d) Đơn giá, giá đặt hàng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về giá và các pháp luật khác có liên quan;

e) Kinh phí đặt hàng chi tiết theo các nguồn;

g) Tạm ứng, thanh toán, quyết toán kinh phí cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

h) Phương thức nghiệm thu, bàn giao sản phẩm;

i) Quyền và nghĩa vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

k) Quyền và nghĩa vụ của cơ quan đặt hàng;

l) Ngoài ra, các bên có thể bổ sung một số nội dung khác nhưng không trái với quy định của pháp luật.

Trường hợp, trong Dịch vụ sự nghiệp công được đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có một phần công việc (gắn với nội dung, sản phẩm dịch vụ công) đơn vị không thể tự thực hiện, phải đấu thầu, Dịch vụ sự nghiệp công được đặt hàng, bao gồm cả phần công việc tổ chức đấu thầu, nhưng phải được ghi rõ trong Quyết định đặt hàng.

3. Đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

- Nhà nước thay đổi về cơ chế, chính sách tiền lương.
- Cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí, giá, đơn giá dịch vụ sự nghiệp công; thay đổi số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công đặt hàng.
- Nguyên nhân bất khả kháng theo quy định của pháp luật ảnh hưởng đến việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

Mục 3

ĐẤU THẦU CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

Điều 12. Tổ chức đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

1. Căn cứ phương thức thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; Quyết định giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; Kế hoạch và dự toán ngân sách được nhà nước giao, Cơ quan, đơn vị được giao tổ chức đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch lựa chọn nhà thầu trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, trong đó:

- Đối với các gói thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ theo Phụ lục I Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ thực hiện theo hình thức đấu thầu rộng rãi hoặc đấu thầu hạn chế.

- Đối với các gói thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho việc triển khai thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công, thực hiện theo quy định của luật đấu thầu.

2. Căn cứ Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, Cơ quan, đơn vị được giao tổ chức đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu và các quy định khác có liên quan.

Chương III
ĐẶT HÀNG, ĐẤU THẦU SẢN XUẤT,
CUNG ỨNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH

Mục 1
ĐẶT HÀNG SẢN XUẤT, CUNG ỨNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH

Điều 13. Điều kiện đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích:

1. Đặt hàng nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, theo danh mục quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy chế này, khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích đã có đăng ký ngành nghề kinh doanh phù hợp với lĩnh vực được đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích; có đủ năng lực về tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy móc, trình độ kỹ thuật, công nghệ sản xuất, trình độ quản lý và đội ngũ người lao động đáp ứng được các yêu cầu của việc sản xuất, cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích theo hợp đồng đặt hàng. Ngoài ra đối với nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích được đặt hàng trong lĩnh vực thuộc diện Nhà nước cấp phép hoạt động phải đáp ứng thêm điều kiện phải là nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

b) Danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích có tính đặc thù do liên quan đến sở hữu trí tuệ hoặc chỉ có một nhà cung cấp đăng ký thực hiện.

c) Sản phẩm, dịch vụ công ích có giá tiêu thụ, giá sản phẩm dịch vụ, mức trợ giá được cấp có thẩm quyền quyết định theo pháp luật về giá và các pháp luật khác có liên quan.

2. Điều kiện đặt hàng sản phẩm, dịch vụ Quản lý, khai thác công trình thủy lợi lớn, quan trọng đặc biệt, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, theo quy định của pháp luật về thủy lợi thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật khác có liên quan; được áp dụng các quy định về đặt hàng/giao nhiệm vụ của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

3. Điều kiện đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích có tính đặc thù (nếu có) quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Trường hợp đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích khác đã được quy định trong pháp luật chuyên ngành thì thực hiện theo quy định pháp luật chuyên ngành (nếu có).

5. Trường hợp danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích tại Phụ lục II kèm theo Quy chế này thực hiện theo phương thức đặt hàng, nhưng vẫn khuyến khích áp dụng hình thức đấu thầu.

Điều 14. Căn cứ đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Dự toán được cấp có thẩm quyền giao đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

2. Các chỉ tiêu về sản xuất, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích; dự toán về chi phí hợp lý sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

3. Đơn giá, giá đặt hàng; mức trợ giá, được xác định trên cơ sở áp dụng các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí hiện hành của Nhà nước và do cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về giá và quy định của các pháp luật khác có liên quan. Trường hợp sản phẩm, dịch vụ công ích có thu phí thì theo mức thu phí do Nhà nước quy định.

4. Giá tiêu thụ; đơn giá, giá sản phẩm, dịch vụ công ích theo quy định của Nhà nước hoặc số tiền do người được hưởng sản phẩm, dịch vụ công ích thanh toán theo quy định của Nhà nước.

5. Trên cơ sở dự toán được giao, đơn giá, giá đặt hàng, chi phí hợp lý, giá tiêu thụ, giá sản phẩm, dịch vụ công ích, mức trợ giá, căn cứ đặt hàng khác theo quy định của pháp luật khác có liên quan (nếu có); cơ quan đặt hàng xác định số lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công ích được trợ giá để ký hợp đồng đặt hàng. Trường hợp giá tiêu thụ; đơn giá, giá sản phẩm, dịch vụ công ích theo quy định của Nhà nước hoặc số tiền do người được hưởng sản phẩm, dịch vụ công ích thanh toán theo quy định của Nhà nước tại khoản 4 Điều này thấp hơn chi phí hợp lý của nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thì nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích được trợ giá theo số lượng hoặc khối lượng sản phẩm, dịch vụ công ích được đặt hàng.

Điều 15. Nội dung hợp đồng đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Nội dung hợp đồng đặt hàng:

a) Tên sản phẩm, dịch vụ công ích đặt hàng: Số lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công ích;

b) Chất lượng sản phẩm, dịch vụ công ích (theo tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành);

c) Giá, đơn giá, mức trợ giá;

d) Số lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công ích được trợ giá;

đ) Giá trị hợp đồng;

e) Thời gian triển khai, thời gian hoàn thành;

g) Doanh thu, chi phí từ hoạt động sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích (nếu cần thiết);

h) Giá tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ công ích;

i) Chi phí hợp lý sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

k) Giao hàng: thời gian, địa điểm, phương thức;

- l) Phương thức thanh toán, quyết toán;
- m) Phương thức nghiệm thu, thanh lý hợp đồng;
- n) Quyền và nghĩa vụ của cơ quan đặt hàng và nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;
- o) Trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng và thủ tục giải quyết.
- p) Các bên có thể thỏa thuận bổ sung một số nội dung khác trong hợp đồng nhưng không trái với quy định của pháp luật và không làm thay đổi giá của sản phẩm, dịch vụ công ích.

2. Ngoài các nội dung hợp đồng đặt hàng quy định tại khoản 1 Điều này, các đơn vị có thể bổ sung một số nội dung khác về hợp đồng đặt hàng để phù hợp với yêu cầu quản lý đối với từng lĩnh vực cụ thể hoặc theo Mẫu hợp đồng theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

3. Hợp đồng đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo Mẫu số 03 Nghị định 32/2019/NĐ-CP.

Điều 16. Điều chỉnh hợp đồng đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

- 1. Hợp đồng đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích chỉ được điều chỉnh khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép.
- 2. Các trường hợp được điều chỉnh hợp đồng đặt hàng:
 - a) Nhà nước thay đổi về cơ chế, chính sách tiền lương;
 - b) Nhà nước điều chỉnh định mức kinh tế - kỹ thuật; định mức chi phí, giá, đơn giá, mức trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích;
 - c) Nguyên nhân bất khả kháng theo quy định của pháp luật ảnh hưởng đến sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

Mục 2:

ĐẤU THẦU SẢN XUẤT, CUNG ỨNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH

Điều 17. Quy định về đấu thầu sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Căn cứ chức năng và ngành nghề đăng ký kinh doanh phù hợp với sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích tham gia đấu thầu; căn cứ quy định của pháp luật chuyên ngành đối với nhà thầu cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực thuộc diện Nhà nước cấp phép hoạt động và các điều kiện tham gia đấu thầu khác theo quy định của pháp luật liên quan (nếu có); nhà thầu được tham gia đấu thầu sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo danh mục tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy chế này theo các hình thức sau:

- a) Đấu thầu rộng rãi sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo quy định tại Luật đấu thầu; trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Đấu thầu hạn chế sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo quy định của Luật đấu thầu.

2. Quy định về đấu thầu và các nội dung liên quan đến đấu thầu sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, thực hiện theo quy định của Luật đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có); các pháp luật liên quan.

Chương IV

QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VỀ GIAO NHIỆM VỤ, ĐẶT HÀNG HOẶC ĐẤU THẦU CUNG CẤP SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG

Điều 18. Lập, phân bổ và giao dự toán ngân sách chi đối với nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công

1. Việc lập, phân bổ và giao dự toán ngân sách nhiệm vụ, đặt hàng của cơ quan quản lý cấp trên cho đơn vị sự nghiệp công lập; dự toán đặt hàng, đấu thầu cho nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm công ích cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành, quy định của pháp luật khác có liên quan và các quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP. Trong đó phân ra: Kinh phí thường xuyên (đối với sản phẩm đặt hàng có định mức đơn giá và định mức chi được cơ quan có thẩm quyền ban hành) và kinh phí không thường xuyên (đối với giao nhiệm vụ và đấu thầu). Đối với sản phẩm, dịch vụ công ích lập dự toán phân ngân sách trợ giá.

2. Về thuế giá trị gia tăng (VAT) cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

a) Dịch vụ sự nghiệp công do đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ cung cấp: Không có VAT;

b) Dịch vụ sự nghiệp công do Nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện: Có VAT.

Điều 19. Thanh toán và quyết toán kinh phí cung cấp sản phẩm, dịch vụ công

Việc thanh toán và quyết toán ngân sách kinh phí cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thực hiện theo Quy chế Quản lý tài chính trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Quy định của pháp luật hiện hành về quản lý ngân sách, tài chính và kế toán, trong đó:

1. Cơ quan quản lý giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có trách nhiệm kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công theo Quy chế quản lý nhiệm vụ chuyên môn thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Kết thúc giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu dịch vụ sự nghiệp công, nếu sản phẩm nghiệm thu không đạt yêu cầu hoặc không thực hiện đủ theo số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công hoặc có lý do phải dừng thực hiện,

kinh phí còn dư thực hiện điều chỉnh cho nhiệm vụ khác, hủy dự toán hoặc nộp lại ngân sách nhà nước theo quy định.

Đối với các nhiệm vụ thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ, việc kiểm tra nghiệm thu thực hiện theo Quy chế quản lý nhiệm vụ chuyên môn thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Quy chế quản lý tài chính trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường và cơ chế chính sách hiện hành.

a) Đối với kinh phí đặt hàng cho đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ tài chính thực hiện: Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao; quyết định đặt hàng của cơ quan cấp trên cho đơn vị sự nghiệp công lập; đơn giá, giá đặt hàng; biên bản nghiệm thu sản phẩm theo quy định của cấp có thẩm quyền; biên bản nghiệm thu đặt hàng theo từng năm (theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định 32/2019/NĐ-CP); tài liệu khác có liên quan (nếu có); đơn vị sự nghiệp công lập tạm ứng, thanh toán theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

b) Đối với kinh phí hợp đồng đặt hàng, đấu thầu cho nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện: Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao; hợp đồng đã được ký kết giữa cơ quan đặt hàng với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích; đơn giá, giá đặt hàng, mức trợ giá, giá tiêu thụ; biên bản nghiệm thu sản phẩm theo quy định của cấp có thẩm quyền; biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng theo từng năm (theo Mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo Nghị định 32/2019/NĐ-CP); tài liệu khác có liên quan (nếu có); cơ quan ký hợp đồng tạm ứng, thanh toán kinh phí cho nhà cung cấp nhận đặt hàng theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, pháp luật chuyên ngành, pháp luật khác có liên quan và theo các quy định hiện hành.

3. Chênh lệch thu lớn hơn chi từ đặt hàng, hợp đồng (nếu có) được thực hiện như sau:

a) Đối với nhà cung cấp là đơn vị sự nghiệp công lập được quyền tự chủ tài chính theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Đối với nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích được tự quyết định theo quy định của pháp luật hiện hành, quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có); thực hiện các nghĩa vụ về tài chính đối với Nhà nước.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Các Cục trực thuộc Bộ có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ (thuộc phạm vi được ủy quyền) tổ chức cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo đúng quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và pháp luật trong quá trình tổ chức thực hiện.

b) Gửi Quyết định phê duyệt giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc Hợp đồng kinh tế, Biên bản nghiệm thu sản phẩm cung cấp dịch vụ sự nghiệp công về Bộ sau không quá 05 ngày kể từ ngày ký ban hành.

c) Hàng năm, căn cứ tình hình thực tế, thực hiện rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật đối với sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý để làm cơ sở ban hành đơn giá sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công; tổng hợp phương án giá của các đơn vị trực thuộc để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường

- Tổ chức, cung cấp dịch vụ sự nghiệp công và đảm bảo hoàn thành theo đúng quyết định của cấp có thẩm quyền; các quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan;

- Không được giao cho cơ quan, đơn vị khác thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đối với dịch vụ sự nghiệp công được cơ quan quản lý giao cho cơ quan, đơn vị mình thực hiện (trừ thuê đơn vị tư vấn tổ chức đấu thầu) cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cho cơ quan, đơn vị khác thực hiện;

- Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng, Cơ quan quản lý giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc tổ chức đấu thầu và pháp luật có liên quan về chất lượng, khối lượng, số lượng sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công do đơn vị thực hiện;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp lý, hợp pháp của các hồ sơ, phương án khi cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công;

- Hàng năm xây dựng phương án giá đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (đối với các nhiệm vụ theo phương thức đặt hàng) trình cơ quan có thẩm quyền ban hành.

b) Nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác có quyền và nghĩa vụ sau:

- Thực hiện ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật;

- Không được giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cho cơ quan, đơn vị khác thực hiện đối với dịch vụ sự nghiệp công đã được Cơ

quan quản lý đặt hàng cho cơ quan, đơn vị mình thực hiện (trừ các gói thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho việc triển khai thực hiện);

- Được thanh toán theo đơn giá, giá, phí theo quy định trong hợp đồng ký kết, theo pháp luật chuyên ngành, pháp luật khác có liên quan;

- Phải tự bù đắp chi phí theo giá trúng thầu khi tham gia cung cấp sản phẩm, dịch vụ công theo phương thức đấu thầu;

- Chịu trách nhiệm trước cơ quan đặt hàng, đấu thầu về sản phẩm, dịch vụ công do mình cung cấp; trước pháp luật về tính hợp lý, hợp pháp của các hồ sơ, phương án khi cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

3. Các Vụ thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường

a) Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trình Bộ trưởng: Quyết định phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công, Quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ; kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ thực hiện (trừ các nhiệm vụ đã được Bộ trưởng ủy quyền cho Cục trưởng các Cục giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công).

- Hướng dẫn kiểm tra, theo dõi, giám sát việc tổ chức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo đúng Quy chế này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Các Vụ theo chức năng nhiệm vụ được giao:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công do các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ thực hiện theo quy định của Quy chế Quản lý nhiệm vụ chuyên môn thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường và quy định của pháp luật có liên quan đối với dịch vụ sự nghiệp công, cụ thể như sau:

- + Vụ Tổ chức cán bộ đối với dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

- + Vụ Khoa học và Công nghệ đối với dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ.

- Chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính, Các Cục được Bộ trưởng ủy quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thẩm định giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ thực hiện.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ quy định tại Quy chế này, các cơ quan quản lý có thẩm quyền quy định tại Điều 6 của Quy chế này được điều chỉnh cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đang thực hiện cho phù hợp với Quy chế này

để thuận tiện và đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và tổ chức thực hiện, nhưng không được ảnh hưởng đến khối lượng, số lượng và chất lượng sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công đang tổ chức thực hiện và phải tuân thủ các quy định về quản lý ngân sách và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc hoặc có phát sinh những vấn đề mới liên quan đến đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, đề nghị các cơ quan, đơn vị báo cáo Bộ để kịp thời xem xét giải quyết./.

PHỤ LỤC I**DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
GIAO NHIỆM VỤ, ĐẶT HÀNG HOẶC ĐẤU THẦU**

STT	Dịch vụ sự nghiệp công	Phương thức cung cấp dịch vụ sự nghiệp công
1	Dịch vụ lĩnh vực trồng trọt	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
2	Dịch vụ lĩnh vực chăn nuôi	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
3	Dịch vụ lĩnh vực bảo vệ thực vật	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
4	Dịch vụ lĩnh vực thú y	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
5	Dịch vụ lĩnh vực thủy sản	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
6	Dịch vụ lĩnh vực lâm nghiệp	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
7	Dịch vụ lĩnh vực thủy lợi	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
8	Dịch vụ lĩnh vực phòng chống thiên tai	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
9	Dịch vụ lĩnh vực quản lý chất lượng	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
10	Dịch vụ môi trường	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
11	Dịch vụ bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
12	Dịch vụ lĩnh vực quản lý đất đai	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
13	Dịch vụ lĩnh vực đo đạc và bản đồ	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
14	Dịch vụ lĩnh vực địa chất và khoáng sản	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
15	Dịch vụ lĩnh vực tài nguyên nước	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
16	Dịch vụ lĩnh vực khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
17	Dịch vụ lĩnh vực quản lý tổng hợp Nông nghiệp môi trường biển và hải đảo	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
18	Dịch vụ lĩnh vực viễn thám	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
19	Dịch vụ giáo dục đại học của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Giao nhiệm vụ/đặt hàng
20	Dịch vụ đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Giao nhiệm vụ/đặt hàng
21	Dịch vụ khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Giao nhiệm vụ/đặt hàng
22	Dịch vụ báo chí, xuất bản và thông tin cơ sở về Nông nghiệp và môi trường	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
23	Dịch vụ sản xuất chương trình truyền hình phóng sự, tài liệu chuyên đề, phim do nhà nước về Nông nghiệp và môi trường	Đặt hàng/đấu thầu
24	Dịch vụ công nghệ thông tin của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu

STT	Dịch vụ sự nghiệp công	Phương thức cung cấp dịch vụ sự nghiệp công
25	Dịch vụ hoạt động khoa học và công nghệ thuộc trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
26	Dịch vụ lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng (bao gồm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật) thuộc trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
27	Dịch vụ phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ (bao gồm thông tin khoa học và công nghệ)	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu
28	Dịch vụ sự nghiệp khác	Giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu

PHỤ LỤC II**DANH MỤC SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỰC HIỆN ĐẶT
HÀNG HOẶC ĐẤU THẦU**

(Kèm theo Quyết định số..... ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Bộ....)

I. SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỰC HIỆN ĐẶT HÀNG

1. Quản lý, khai thác công trình thủy lợi lớn, quan trọng đặc biệt, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, theo quy định của pháp luật về thủy lợi.

**II. SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỰC HIỆN ĐẤU THẦU
HOẶC ĐẶT HÀNG**

1. Sản xuất, cung ứng, lưu giữ giống gốc giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản.

2. Sản xuất sản phẩm kích dục tố cho cá đẻ HCG.

3. Dịch vụ hậu cần nghề cá trên các vùng biển xa.

4. Quản lý, khai thác, duy tu các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá.

5. Một số sản phẩm, dịch vụ công ích quan trọng khác theo quyết định của Thủ tướng Chính.

PHỤ LỤC III

DANH MỤC NHIỆM VỤ DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG; SẢN PHẨM DỊCH VỤ CÔNG ÍCH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO NHIỆM VỤ, ĐẶT HÀNG HOẶC ĐẤU THẦU NĂM

ST T	Nhiệm vụ dịch vụ sự nghiệp công	Phương thức thực hiện (*)	Ghi chú
A	DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG		
I	Lĩnh vực....		
1	Nhiệm vụ...		
2	Nhiệm vụ...		
3	Nhiệm vụ...		
...	...		
II	Lĩnh vực....		
1	Nhiệm vụ...		
2	Nhiệm vụ...		
3	Nhiệm vụ...		
...	...		
B	SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH		
I	Lĩnh vực....		
1	Nhiệm vụ...		
2	Nhiệm vụ...		
3	Nhiệm vụ...		
...	...		
II	Lĩnh vực....		
1	Nhiệm vụ...		
2	Nhiệm vụ...		
3	Nhiệm vụ...		

() Giao nhiệm vụ/hoặc đặt hàng/hoặc đấu thầu*

PHỤ LỤC IV*(Mẫu Quyết định giao nhiệm vụ)***BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**
TÊN CƠ QUAN GIAO NHIỆM VỤ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

Hà Nội, ngày tháng năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công
sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước****TÊN CƠ QUAN GIAO NHIỆM VỤ**

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định/Quyết định... quy định chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị ...;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BNNMT ngày...tháng...năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quy chế Giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu dịch vụ sự nghiệp sử dụng ngân sách từ nguồn chi thường xuyên tại Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định phê duyệt nội dung, dự toán nhiệm vụ...;

Xét đề nghị của đơn vị trình...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập..., với các nội dung chính như sau:

1. Tên danh mục dịch vụ sự nghiệp công

a) Nội dung, sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công.

b) Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công.

c) Thời gian triển khai và thời gian hoàn thành.

d) Dự toán kinh phí, trong đó chi tiết theo các nguồn sau:

- Nguồn ngân sách nhà nước giao nhiệm vụ (theo giá tính đủ chi phí) hoặc kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch

vụ sự nghiệp công (trường hợp giá chưa tính đủ chi phí);

- Nguồn phí được để lại chi theo pháp luật;
- Nguồn thu dịch vụ sự nghiệp công;
- Nguồn khác (nếu có).

(Chi tiết khối lượng và dự toán kèm theo)

e) Phương thức thanh toán, quyết toán.

g) Phương thức nghiệm thu, bàn giao sản phẩm.

h) Trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

i) Trách nhiệm của cơ quan giao nhiệm vụ và cơ quan khác có liên quan.

k) Ngoài ra, có thể bổ sung một số nội dung khác (nếu có) nhưng không trái với quy định của pháp luật.

Điều 2. Căn cứ nội dung giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước tại Điều 1 và dự toán ngân sách được giao trong năm, Thủ trưởng đơn vị... tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Thủ trưởng đơn vị ... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT,

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ
CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký, dấu)**

Họ và Tên